

# Tổng quan nghiên cứu về sự tham gia học tập của sinh viên

Trần Dương Quốc Hòa\*<sup>1</sup>, Nguyễn Đắc Thanh<sup>2</sup>

\* Tác giả liên hệ

<sup>1</sup> Email: hoatdq@dnpu.edu.vn

Trường Đại học Đồng Nai  
Số 9 Lê Quý Đôn, thành phố Biên Hòa,  
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

<sup>2</sup> Email: thanhnd@hcmue.edu.vn

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh  
280 An Dương Vương, Phường 4,  
Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**TÓM TẮT:** Sự tham gia học tập không chỉ là một phần của quá trình dạy học mà còn là yếu tố then chốt quyết định đến chất lượng học tập và sự phát triển cá nhân của sinh viên. Thông qua tổng hợp và phân tích các nghiên cứu trước đây, bài viết cung cấp cái nhìn toàn diện về tình hình nghiên cứu hiện tại đối với sự tham gia học tập của sinh viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự quan tâm toàn cầu đối với các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến sự tham gia học tập trong môi trường giáo dục đại học. Tuy nhiên, ở Việt Nam, lĩnh vực này đang ở giai đoạn phát triển sơ khai, đòi hỏi việc tăng cường nghiên cứu về cả lý luận và thực tiễn nhằm thúc đẩy sự tham gia học tập của sinh viên trong các bối cảnh học tập khác nhau.

**TỪ KHÓA:** Sự tham gia học tập của sinh viên, cấu trúc đa chiều, giáo dục đại học, Việt Nam, chất lượng.

→ Nhận bài 15/01/2024 → Nhận bài đã chỉnh sửa 07/3/2024 → Duyệt đăng 15/7/2024.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12410703>

## 1. Đặt vấn đề

Là một cấu trúc đa chiều được nuôi dưỡng bởi sự tương tác của các yếu tố phức tạp, sự tham gia học tập của sinh viên đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành trải nghiệm tích cực, đồng thời ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục và thành tựu học tập trong môi trường giáo dục đại học. Đây cũng là một trong những yếu tố quan trọng dự đoán sự phát triển của mỗi cá nhân sinh viên [1]. Rõ ràng, sự tham gia học tập của sinh viên là một thành phần then chốt của quá trình học tập vì nó cho thấy nỗ lực đáng kể của sinh viên trong việc phát triển nhận thức và tự tạo ra kiến thức [2], [3]. Nỗ lực này càng cao thì mức độ thành công học tập sẽ càng lớn [4]. Với vai trò then chốt mà cấu trúc này có thể đóng góp trong quá trình dạy học, các nghiên cứu về sự tham gia học tập của sinh viên đã phát triển nhanh chóng trên nhiều khía cạnh khác nhau. Những nghiên cứu này đã cung cấp hiểu biết sâu sắc có giá trị về sự tham gia học tập của sinh viên, bao gồm cả góc độ lý thuyết lẫn thực tiễn. Nhìn chung, mục tiêu trọng tâm mà tất cả các nghiên cứu về sự tham gia học tập của sinh viên đều hướng tới là nâng cao hiệu quả của cấu trúc này trong các bối cảnh học tập khác nhau. Thông qua tổng hợp và phân tích các nghiên cứu trước đây, bài viết trình bày kết quả phân tích tổng quan các hướng nghiên cứu liên quan đến sự tham gia học tập trong môi trường giáo dục đại học. Các kết quả của nghiên cứu sẽ cung cấp cái nhìn toàn diện về tình hình nghiên cứu hiện tại đối với sự tham gia học tập trong môi trường giáo dục đại học, góp phần định hướng cho các nghiên cứu về sự tham gia học tập của sinh viên tại Việt Nam.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Tổng quan về sự tham gia học tập của sinh viên

Được xem xét như là một cấu trúc thiết yếu liên quan đến thành công trong học tập [2], [5], [6], sự tham gia học tập của sinh viên là một chủ đề nghiên cứu quan trọng trong lĩnh vực giáo dục và đã nhận được sự quan tâm của rất nhiều nhà nghiên cứu. Sự tham gia học tập của người học đã trở thành tâm điểm trong các nỗ lực tăng cường chất lượng dạy và học. Trong bối cảnh hiện nay của giáo dục đại học, sự tham gia học tập đóng vai trò quan trọng, quyết định đến chất lượng giáo dục và thành tựu học tập của sinh viên, đồng thời là một trong những yếu tố dự đoán mạnh mẽ sự phát triển của mỗi cá nhân sinh viên [1]. Về cơ bản, những nghiên cứu về sự tham gia học tập của sinh viên chủ yếu được thực hiện theo 3 hướng chính: 1) Nghiên cứu các vấn đề lý luận liên quan đến cấu trúc của sự tham gia học tập; 2) Nghiên cứu các công cụ đo lường sự tham gia học tập; 3) Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia học tập trong các bối cảnh học tập khác nhau.

#### 2.1.1. Các vấn đề lý luận liên quan đến cấu trúc sự tham gia học tập

Mặc dù ngày càng có nhiều nghiên cứu quan tâm đến sự tham gia học tập của người học nhưng đã có sự khác biệt đáng kể về cách khái niệm hóa cấu trúc này theo thời gian [7], [8]. Astin (1984) cho rằng, sự tham gia học tập, nói một cách đơn giản, đề cập đến lượng năng lượng thể chất và tâm lý mà người học dành cho trải nghiệm học tập [9]. Coates (2007) định nghĩa sự tham gia học tập là một cấu trúc phức tạp bao gồm các khía

ạnh học thuật nổi bật cũng như một số khía cạnh phi học thuật trong trải nghiệm của người học [10]. Kuh (2009) định nghĩa sự tham gia học tập là thời gian và nỗ lực mà người học dành cho các hoạt động có liên quan trực tiếp đến kết quả được kì vọng ở trường học. Luan et al. (2023) cho rằng, sự tham gia học tập có thể được lí thuyết hóa là lượng năng lượng mà người học trả trong quá trình tương tác với môi trường học tập [11]. Ngoài ra, trong một nỗ lực xác định sự tham gia học tập và ảnh hưởng của nó đến kết quả học tập, Gibbs (2014) đã gọi sự tham gia học tập của sinh viên là một thuật ngữ thông dụng mới trong giáo dục đại học. Theo Gibbs (2014), sự tham gia học tập của sinh viên thường được dùng để chỉ rất nhiều yếu tố khác nhau và khó để định rõ ý nghĩa thực sự của thuật ngữ này [12]. Trong bối cảnh giáo dục đại học, sự tham gia học tập của sinh viên thường được tiếp cận từ góc độ hành vi. Tiếp cận này đặt trọng tâm vào các hành vi tham gia của sinh viên trong các hoạt động hướng tới các kết quả học tập chất lượng cao [2]. Theo đó, sự tham gia học tập của sinh viên thường nhấn mạnh đến chất lượng nỗ lực mà bản thân sinh viên đã cống hiến cho các hoạt động học tập có mục đích để đạt được các kết quả mong muốn [13].

Liên quan đến cấu trúc của sự tham gia học tập, cho đến nay, có nhiều nghiên cứu đã xác nhận rằng, sự tham gia học tập của sinh viên là một cấu trúc đa chiều được nuôi dưỡng bởi sự tương tác của các yếu tố phức tạp [3], [6], [8]. Tuy nhiên, số lượng cũng như tên gọi các thành tố cấu trúc của sự tham gia học tập trong các tài liệu hiện nay là không đồng nhất. Một cấu trúc bao gồm ba yếu tố phụ thuộc lẫn nhau (Tham gia hành vi, tham gia nhận thức và tham gia cảm xúc) vẫn thường được nhấn mạnh trong các tài liệu nghiên cứu liên quan đến sự tham gia học tập của sinh viên [3], [14]. Một khung cấu trúc khác mà yếu tố thứ tư (Tham gia tác nhân - Agentive engagement) được thêm vào cũng đã được thừa nhận rộng rãi [4], [15]. Bên cạnh tham gia tác nhân (Agentive engagement), yếu tố tham gia xã hội (Social engagement) cũng đã được xem xét là một thành tố cấu trúc của sự tham gia học tập sinh viên, đặc biệt là trong môi trường học tập trực tuyến [11], [16]. Ngoài các cấu trúc kể trên, có khá nhiều các đề xuất khác liên quan đến tính đa chiều của sự tham gia học tập được thực hiện, chẳng hạn như: Tham gia kĩ năng, tham gia hiệu suất, tham gia học thuật, tham gia xã hội với giáo viên, tham gia xã hội với bạn học... [13], [17]. Trong số các cấu trúc được đề xuất, cấu trúc cơ bản với ba yếu tố phụ thuộc lẫn nhau (Tham gia hành vi - Behavioral engagement; Tham gia nhận thức - Cognitive engagement và tham gia cảm xúc - Affective engagement) hiện vẫn là cấu trúc thường được đề cập nhiều trong các tài liệu nghiên cứu liên quan đến sự tham gia học tập của sinh viên trong bối cảnh giáo dục

đại học [3], [14], trong đó:

*Tham gia hành vi (Behavioral engagement)*, đề cập đến mức độ tham gia tích cực của sinh viên vào các hoạt động học tập và quá trình học tập [11], [18]. Cấu trúc này thường mô tả các hành động có thể dễ dàng quan sát được trong lớp học của sinh viên. Sự tham gia hành vi có thể được phản ánh thông qua một số chỉ số liên quan sự tham gia tích cực và hành vi tích cực của sinh viên trong quá trình học tập như sự hiện diện, sự tập trung, sự nỗ lực và hành vi thực hiện nhiệm vụ [7], [15], [19].

*Tham gia nhận thức (Cognitive engagement)*, thường được định nghĩa dưới dạng nhấn mạnh vào quá trình học tập tự định hướng và các chiến lược học tập sâu [4], [17]. Sự tham gia nhận thức đề cập đến mức độ đầu tư tinh thần và nỗ lực cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ học tập, tiếp thu kiến thức và phát triển các kĩ năng cụ thể [11]. Sự tham gia nhận thức không chỉ thể hiện ở việc thu thập thông tin mà nó còn bao gồm việc xử lí và ứng dụng các thông tin thu nhận được để phát triển kiến thức và kĩ năng. Khía cạnh này thường được xem xét dựa trên các chỉ số liên quan đến hành vi học tập tự điều chỉnh, tính kiên trì [16], [20] và sự sẵn sàng vượt xa những gì được yêu cầu [21].

*Tham gia cảm xúc (Affective engagement)*, được định nghĩa là mức độ phản ứng cảm xúc mà sinh viên thể hiện trong quá trình học tập [13], [21]. Sự tham gia cảm xúc có thể được phản ánh qua các chỉ số liên quan đến cảm xúc (Sự hứng thú, sự phấn khích, hạnh phúc và hài lòng, sự lo lắng...) mà sinh viên dành cho giảng viên, bạn bè cũng như các hoạt động và trải nghiệm học tập [7], [19].

Có thể thấy rằng, các nghiên cứu theo hướng này đã nhấn mạnh tính đa chiều và phức tạp trong cấu trúc của sự tham gia học tập. Mặc dù vẫn tồn tại sự không đồng nhất, việc phân tích các yếu tố cấu thành của sự tham gia học tập đã góp phần quan trọng trong việc khuyến khích và thúc đẩy các nghiên cứu thực tiễn liên quan đến hành vi học tập của sinh viên trong môi trường giáo dục đại học.

### 2.1.2. Nghiên cứu các công cụ đo lường sự tham gia học tập

Dựa trên khung lí thuyết về sự tham gia học tập, một số thang đo toàn diện để đo lường sự tham gia học tập của người học trong các bối cảnh dạy học khác nhau đã được nhiều nghiên cứu phát triển và xác nhận. Các thang đo này chủ yếu được phát triển bằng cách đề xuất và xác nhận các mục (items) để đánh giá từng cấu trúc thành phần của sự tham gia học tập (tham gia hành vi, tham gia nhận thức, tham gia cảm xúc, tham gia xã hội hay tham gia tác nhân...). Có thể kể đến một số thang đo như: SEM (School Engagement Measure) của Jennifer A. Fredricks et al. (2005), SEI (Student Engagement

Instrument) của Appleton et al. (2008), MSES (Math and Science Engagement Scales) của Wang et al. (2016), ISQ (Identification with School Questionnaire) của Voelkl (1996), SESQ (Student Engagement in Schools Questionnaire) được phát triển và bổ sung bởi Hart et al. (2011)... Mặc dù có cách tiếp cận khác nhau nhưng những thang đo này đã cung cấp công cụ hữu ích cho việc đo lường và đánh giá các khía cạnh của sự tham gia học tập của người học và chúng có thể được sử dụng để khám phá các vấn đề quan trọng trong lĩnh vực này một cách nhất quán và hiệu quả.

Xét riêng trong bối cảnh giáo dục đại học, NSSE (National Survey of Student Engagement) có thể xem là một thang đo phổ biến. NSSE (2016) dùng để nghiên cứu mức độ tham gia của sinh viên trong môi trường giáo dục đại học. Kể từ khi ra mắt, NSSE đã được rất nhiều trường cao đẳng và đại học ở Hoa Kỳ và Canada sử dụng để thu thập thông tin về trải nghiệm học tập ở trường đại học của sinh viên [22]. NSSE (2016) có 20 câu hỏi chính với tổng số 87 mục, đo lường 10 chỉ số được sắp xếp theo bốn chủ đề: Thử thách học tập, học tập với bạn học, trải nghiệm với khoa, môi trường học tập. Bên cạnh NSSE (2016) còn có một số thang đo tiêu biểu khác như: Thang đo sự tham gia học tập của sinh viên trong lớp học (Scale of student engagement in the classroom), Thang đo sự tham gia học tập của sinh viên (Student engagement scale - SES), Thang đo mức độ tham gia học tập của sinh viên đại học (Higher Education Student Engagement Scale - HESES), Bảng câu hỏi về mức độ tham gia khóa học của sinh viên (Student course engagement questionnaire - SCEQ).

*Thang đo sự tham gia học tập của sinh viên trong lớp học (Scale of student engagement in the classroom):* Thang đo này được phát triển bởi Dierendonck et al. (2020) [14]. Để phát triển các mục (Items) cho thang đo sự tham gia học tập của sinh viên trong lớp học, Dierendonck et al. (2020) đã lựa chọn và điều chỉnh các mục (Items) từ ba công cụ hiện có của Appleton et al. (2006), Skinner et al. (2009); M. Te Wang et al. (2011). Thang đo của Dierendonck et al. (2020) bao gồm 18 mục và được phân bố đều trong 3 thành tố cấu trúc (Tham gia hành vi, tham gia cảm xúc, tham gia nhận thức). Một số ví dụ về các mục (Items) trong thang đo này là: Tôi luôn chú ý trong lớp; Khi ở trong lớp, tôi lắng nghe rất cẩn thận; Tôi học tập rất tích cực trong lớp; Tôi thấy nhàm chán trong giờ học; Tôi làm việc khác trong giờ học... (thuộc cấu trúc Tham gia hành vi); Tôi cảm thấy vui vẻ và an toàn trong lớp học; Tôi cảm thấy hòa nhập tốt trong lớp học; Khi gặp khó khăn trong việc học một nội dung nào đó trong lớp tôi cảm thấy lo lắng; Khi không thể trả lời một câu hỏi trong lớp tôi cảm thấy thất vọng... (thuộc cấu trúc Tham gia cảm xúc); Tôi cố gắng liên kết những gì tôi đang học

với những điều khác mà tôi biết; Tôi cố gắng tìm ra các vấn đề học tập của mình và lên kế hoạch giải quyết chúng; Tôi cố gắng phục hồi nhanh chóng sau những trải nghiệm không tốt trong quá trình học... (thuộc cấu trúc Tham gia nhận thức).

*Thang đo sự tham gia học tập của sinh viên (Student engagement scale - SES):* Thang đo này được phát triển bởi Gunuc & Kuzu (2015). Gunuc & Kuzu (2015) đã xem xét sự tham gia học tập của sinh viên trong hai thành phần chính (tham gia ngoài lớp học và tham gia trong lớp học), trong đó sự tham gia trong lớp học được xem là trọng tâm và bao gồm tham gia nhận thức, tham gia cảm xúc, tham gia hành vi. Dựa trên mô hình đề xuất, Gunuc & Kuzu (2015), đã phát triển một thang đo tổng thể đo lường mức độ tham gia học tập của sinh viên trong bối cảnh giáo dục đại học (SES) [23]. SES ban đầu bao gồm 59 mục (20 mục cho sự tham gia ngoài lớp học và 39 mục cho sự tham gia trong lớp học) và sau đó đã được điều chỉnh thành 41 mục (12 mục cho sự tham gia ngoài lớp học và 29 mục cho sự tham gia trong lớp học). Một số ví dụ về các mục (Items) trong thang đo này là: Tôi tự thúc đẩy bản thân học tập; Tôi tự xác định mục tiêu học tập cho bản thân; Tôi nỗ lực hết sức trong giờ học; Tôi nghiên cứu sâu hơn về những nội dung được học; Tôi thảo luận những gì tôi đã học được trong lớp với bạn bè bên ngoài lớp học... (thuộc cấu trúc Tham gia nhận thức); Tôi có những người bạn thân trong lớp; Giáo viên luôn ở bên tôi khi tôi cần; Tôi coi trọng việc học chung với các bạn trong nhóm; Tôi thích giáo viên của tôi; Lớp học của tôi rất thú vị... (thuộc cấu trúc Tham gia cảm xúc); Tôi chăm chú lắng nghe giáo viên giảng bài trong lớp; Tôi tuân thủ các quy tắc trong lớp học; Tôi hoàn thành các nhiệm vụ/bài tập về nhà đúng thời hạn; Tôi cố gắng làm hết sức mình trong các nhiệm vụ nhóm... (thuộc cấu trúc Tham gia hành vi).

*Thang đo mức độ tham gia học tập của sinh viên đại học (Higher Education Student Engagement Scale - HESES):* Xem xét sự tham gia học tập dưới góc độ tâm lý học, Zhoc et al. (2019) đã phát triển và xác nhận một thang đo mức độ tham gia học tập của sinh viên đại học (HESES) [13]. Cho rằng, các thang đo NSSE (National Survey of Student Engagement) và FYES (First Year Engagement Scales) về sự tham gia học tập của sinh viên khá dài (87 mục cho NSSE và 61 mục cho FYES), Zhoc et al. (2019) đã đề ra mục tiêu là phát triển thang đo HESES ngắn gọn hơn về sự tham gia của sinh viên để sử dụng trong giáo dục đại học. HESES đã được phát triển dựa trên 61 mục (61 Items) của thang đo FYES (First Year Engagement Scales) bao gồm 28 mục (28 Items) dùng đo lường 5 cấu trúc chính: Sự tham gia học thuật, sự tham gia nhận thức, sự tham gia xã hội với giáo viên, sự tham gia xã hội với bạn học, sự tham gia



cảm xúc. Một số ví dụ về các mục (Items) trong thang đo này là: Thường xuyên học vào cuối tuần; Dành nhiều thời gian để tự học; Hiếm khi nghỉ học; Thường đến lớp sau khi đã chuẩn bị kỹ trước mọi thứ... (thuộc cấu trúc Tham gia học thuật); Thích thú với các thách thức về trí tuệ của khóa học; Cảm thấy hài lòng với việc học tập; Khóa học tạo ra một sự kích thích trí tuệ... (thuộc cấu trúc Tham gia nhận thức); Giáo viên cố gắng hiểu rõ những khó khăn của tôi; Giáo viên quan tâm đến sự tiến bộ của tôi; Giáo viên đưa ra phản hồi hữu ích về sự tiến bộ của tôi... (thuộc cấu trúc Tham gia xã hội với giáo viên); Thường xuyên làm việc với sinh viên khác về các chủ đề của khóa học mà tôi gặp khó khăn; Cảm thấy bản thân là một phần của một nhóm sinh viên cam kết học tập; Hòa nhập tốt với các sinh viên khác ở trường... (thuộc cấu trúc Tham gia xã hội với bạn học); Thực sự thích làm sinh viên đại học; Trường đại học đã đáp ứng được mong đợi của tôi; Cảm thấy bản thân là một phần của cộng đồng trường đại học... (thuộc cấu trúc Tham gia cảm xúc).

*Bảng câu hỏi về mức độ tham gia khóa học của sinh viên (Student course engagement questionnaire - SCEQ):* Giả thuyết rằng, sự tham gia của sinh viên có liên quan tích cực đến lí thuyết gia tăng (những sinh viên tham gia tích cực vào việc học tin rằng, sự tham gia này sẽ làm tăng khả năng học tập của họ), Handelsman et al. (2005) đã phát triển một công cụ để nắm bắt các khía cạnh tiềm năng về sự tham gia học tập của sinh viên. Handelsman et al. (2005) đã sử dụng phân tích nhân tố khám phá để phát triển và khám phá tính giá trị của thước đo mức độ tham gia của sinh viên, được gọi là bảng câu hỏi về mức độ tham gia khóa học của sinh viên (Student course engagement questionnaire - SCEQ) [17]. SCEQ được xây dựng để đo lường mức độ tham gia của sinh viên trong các khóa học cụ thể và bao gồm 23 mục (23 Items). Các cấu trúc đo lường của SCEQ bao gồm: tham gia kĩ năng, tham gia cảm xúc, tham gia tương tác và tham gia hiệu suất. Một số ví dụ về các mục (Items) trong thang đo này là: Đảm bảo học tập thường xuyên; Nỗ lực hết mình; Duy trì sự tập trung; Xem xét lại các nội dung đã học trước đó để chắc chắn là đã hiểu rõ nội dung học tập... (thuộc cấu trúc Tham gia kĩ năng); Tìm cách làm cho nội dung khóa học liên quan đến thực tiễn; Áp dụng nội dung khóa học vào thực tiễn; Tìm cách làm cho khóa học trở nên thú vị; Suy nghĩ về khóa học giữa các buổi học... (thuộc cấu trúc Tham gia cảm xúc); Giơ tay trong lớp; Đặt câu hỏi khi không hiểu; Tham gia tích cực vào các thảo luận nhóm; Gặp trực tiếp giáo viên để làm rõ về bài tập, bài kiểm tra hoặc đặt câu hỏi... (thuộc cấu trúc Tham gia tương tác).

Ngoài ra, cùng với sự gia tăng mạnh mẽ của các khóa học/đợt học trực tuyến trong những năm gần đây, các

công cụ để kiểm tra và đo lường mức độ tham gia học tập của sinh viên trong môi trường trực tuyến cũng được các học giả chú ý nhiều hơn trong việc phát triển và xác nhận. Có thể kể đến một số công cụ như thang đo mức độ tham gia của sinh viên trực tuyến (OSE) được phát triển bởi Dixson (2015), thang đo mức độ tham gia của người học trong các khóa học trực tuyến MOOC (MES) của Deng et al. (2020), hoặc 16 mục (16 Items) để nắm bắt bốn khía cạnh của sự tham gia của sinh viên trong học tập trực tuyến (tham gia hành vi, tham gia nhận thức và tham gia cảm xúc, tham gia xã hội) do Hoi & Le Hang (2021) phát triển [16]... Những công cụ này đã góp phần làm tăng sự hiểu biết và khả năng đo lường cấu trúc đa chiều của sự tham gia học tập của sinh viên.

Như vậy, nghiên cứu về sự tham gia học tập đã dẫn đến sự phát triển của nhiều thang đo toàn diện, hướng đến việc đo lường các khía cạnh khác nhau của sự tham gia học tập của sinh viên. Kết quả thu được từ những nỗ lực nghiên cứu này không chỉ cung cấp một loạt các công cụ hữu ích mà còn tạo ra cơ sở vững chắc cho các nghiên cứu cải thiện sự tham gia học tập của sinh viên trong các bối cảnh dạy học khác nhau.

### 2.1.3. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia học tập

Các nghiên cứu phát triển và xác nhận công cụ đo lường sự tham gia học tập đã tạo tiền đề cho hàng loạt các nghiên cứu trên các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia học tập trong các bối cảnh dạy học khác nhau. Sự tham gia học tập của sinh viên được cho là có thể điều chỉnh được. Nói cách khác, nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, bằng các hành động cụ thể ta có thể tác động đến sự tham gia học tập của sinh viên theo hướng tích cực hoặc tiêu cực [2], [18], [24]. Sự tham gia học tập của sinh viên được chứng minh là chịu tác động của nhiều yếu tố, trong đó: 1) Đặc điểm cá nhân sinh viên; 2) Môi trường lớp học và trường học; 3) Các thành tố liên quan đến giảng viên được xem xét là ba yếu tố trọng yếu.

Nghiên cứu của Griffiths et al. (2009) đã chỉ ra rằng, các đặc điểm cá nhân cơ bản (Chẳng hạn như kì vọng, năng lực bản thân, lòng tự trọng và mối quan hệ của sinh viên với các bạn học khác) có thể ảnh hưởng đến sự tham gia học tập của sinh viên. Cụ thể, Griffiths et al. (2009) đã tiết lộ rằng, các yếu tố cá nhân có một ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng và mức độ tham gia vào các hoạt động học tập ở trường [20]. Tác động của các yếu tố cá nhân lên sự tham gia học tập của người học cũng được xác nhận trong nhiều nghiên cứu khác nhau. Bên cạnh những tác động của sở thích tình huống, khả năng tự điều chỉnh và lòng tự trọng, nhiều nghiên cứu cũng đã chỉ ra rằng, trải nghiệm với công nghệ thông tin có khả năng thúc đẩy sự tham gia học tập của người học [11], [21], [18], [25]. Ngoài ra, năng lực sử dụng

công nghệ cũng đã được chứng minh là một yếu tố dự báo tích cực đáng kể về sự tham gia học tập của sinh viên [25]. Những đặc điểm cá nhân kể trên đã được xác định là có thể tạo nên sự đa dạng trong cách mà sinh viên tiếp cận và tương tác với quá trình học tập, đồng thời ảnh hưởng đến mức độ tham gia và hiệu suất học tập của họ.

Bên cạnh các yếu tố cá nhân liên quan đến bản thân người học, môi trường lớp học và trường học cũng được phát hiện là có mối liên hệ với mức độ tham gia học tập của sinh viên [20]. Môi trường lớp học và trường học không chỉ đơn thuần là nơi để sinh viên học tập mà còn là không gian tạo ra những trải nghiệm đáng nhớ, các kết nối xã hội sâu sắc cũng như phát triển những kỹ năng quan trọng cho cuộc sống. Việc tạo ra một môi trường học tập tích cực và đa dạng không chỉ khuyến khích sự tham gia tích cực của sinh viên mà còn giúp họ cảm thấy hứng thú hơn, tự tin hơn, đồng thời sẵn sàng tham gia vào hành trình học tập với tinh thần tích cực và sáng tạo [2]. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, các thành tố liên quan đến môi trường lớp học và trường học có thể ảnh hưởng đến sự tham gia học tập của sinh viên bao gồm: Cấu trúc của lớp học và trường học (quy mô và cơ sở vật chất, sự đa dạng văn hóa, tỉ lệ sinh viên - giảng viên), cơ chế quản lý (tổ chức, kỉ luật, quy tắc ứng xử), đặc điểm nhiệm vụ (mức độ thách thức trong học tập và kì vọng đầu ra của trường học, lớp học đối với sinh viên) [19], [20].

Về các thành tố liên quan đến giảng viên, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, giảng viên có vai trò quan trọng trong việc xây dựng và duy trì một môi trường học tập tích cực, khuyến khích sự tham gia và phát triển của sinh viên [26], [27], [28]. Các thành tố liên quan đến giảng viên có thể ảnh hưởng đến sự tham gia học tập của sinh viên bao gồm: năng lực giảng dạy, động lực giảng dạy, hành vi trong lớp học [24], [26], [29]. Trong đó, hành vi của giảng viên trong lớp học là thành tố có tác động lớn đến sự tham gia học tập của sinh viên. Sự tương tác tích cực, lòng nhiệt thành và các hỗ trợ từ phía giảng viên có thể tạo ra một môi trường học tập tích cực và qua đó ảnh hưởng đến hành vi của sinh viên [24], [27]. Thành tố này đã được xác định là có tầm quan trọng giáo dục rất lớn vì nó ảnh hưởng đến cảm xúc, sự tham gia học tập và thành tích của sinh viên [5], [29]. Skinner & Belmont (1993) trong nghiên cứu của mình đã gợi ý rằng, sự tham gia của người học có thể thay đổi theo tình huống và thời gian, người học có thể thể hiện các mức độ tham gia khác nhau trong một bài học dựa trên những biến đổi trong các tương tác với người dạy. Các phát hiện tương tự cũng có thể được tìm thấy trong các nghiên cứu của Skinner et al. (1990), Van Uden et al. (2014), Quyn (2017), Kengatharan (2020), Hsiao et al. (2022),... Một trong những khía

chạm liên quan đến hành vi của người dạy có ảnh hưởng đến sự tham gia học tập được nhiều nghiên cứu quan tâm là phong cách giảng dạy. Phong cách giảng dạy của giảng viên đã được chứng minh là có tác động mạnh mẽ đến kết quả học tập cũng như là thái độ tham gia các hoạt động học tập của sinh viên và được xem là một yếu tố quan trọng trong sự thành công của một bài học [5], [27]. Khi giảng viên thiếu khả năng quản lí phong cách dạy học của mình, cụ thể là các thách thức ứng xử đối với các tình huống xã hội và cảm xúc trong bối cảnh lớp học của họ thì mức độ tham gia học tập của sinh viên sẽ có hiệu suất thấp hơn về cả thái độ lẫn hành vi [5], [28]. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện tại thường hoặc là chọn một vài phong cách giảng dạy (hoặc khuynh hướng giảng dạy) tiêu biểu để nghiên cứu tác động lên sự tham gia học tập, hoặc là nghiên cứu tác động của phong cách giảng dạy lên một (hoặc một số) khía cạnh nhất định của sự tham gia học tập, chẳng hạn các nghiên cứu của Reeve & Shin (2020), Inayat & Ali (2020), Jiang & Zhang (2021), Yang & Dong (2017), Cinches et al. (2017),... Trong các nghiên cứu khám phá ảnh hưởng của phong cách giảng dạy của giảng viên lên sự tham gia học tập của sinh viên thì nghiên cứu của Shaari et al. (2014) có thể xem là một trường hợp hiếm hoi. Nghiên cứu này đã được tiến hành để khám phá trực tiếp tác động của các phong cách giảng dạy dưới dạng một mô hình phong cách lên sự tham gia học tập của sinh viên trong môi trường giáo dục đại học [24]. Shaari et al. (2014) đã sử dụng mô hình phong cách giảng dạy của Grasha (1994) để xác nhận mối quan hệ tích cực giữa các biến phong cách giảng dạy của giảng viên và biến sự tham gia học tập của sinh viên.

Như vậy, các nghiên cứu theo hướng này đã cho thấy rằng, sự tham gia học tập của sinh viên có thể điều chỉnh được thông qua các hành động cụ thể. Kết quả của các nghiên cứu cũng nhấn mạnh vai trò quan trọng của các yếu tố cá nhân, môi trường học tập và các yếu tố liên quan đến giảng viên đối với sự tham gia học tập của sinh viên. Những phát hiện này cung cấp cơ sở khoa học quan trọng cho việc hiểu sâu hơn về cách tối ưu hóa các yếu tố có liên quan để khuyến khích sự tham gia học tập sinh viên trong môi trường giáo dục đại học.

## 2.2. Một số đề xuất cho các nghiên cứu về sự tham gia học tập của sinh viên tại Việt Nam

Có thể nhận thấy rằng, các nghiên cứu về sự tham gia học tập của sinh viên đã và đang cung cấp nhiều thông tin và bằng chứng quan trọng liên quan đến sự tham gia học tập của sinh viên. Những thông tin và bằng chứng thực nghiệm này giúp các nhà giáo dục và quản lí giáo dục trong việc thiết lập và phát triển các chiến lược phù hợp để thúc đẩy sự tham gia học tập của người học, qua đó cải thiện chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, tổng quan

nghiên cứu vấn đề cũng cho thấy rằng, các vấn đề lí luận và thực tiễn liên quan đến sự tham gia học tập của sinh viên đã được thế giới nghiên cứu và đề cập tương đối đầy đủ ở nhiều bình diện khác nhau. Song, ở Việt Nam, các nghiên cứu về lĩnh vực này vẫn còn sơ khai, đặc biệt các nghiên cứu vận dụng mô hình cấu trúc cũng như thang đo sự tham gia học tập của sinh viên để khám phá các yếu tố tác động lên nó trong môi trường giáo dục đại học thì lại càng hạn chế. Ngoài ra, cũng cần lưu ý rằng, dù các nghiên cứu về vấn đề này đã được thế giới đề cập tương đối nhiều nhưng do tính chất đặc thù trong văn hóa và quan điểm giáo dục của mỗi quốc gia là rất đa dạng, nên việc mở rộng các nghiên cứu trên sự tham gia học tập của sinh viên trong môi trường giáo dục đại học ở các quốc gia, khu vực khác nhau là cần thiết. Do đó, cả nghiên cứu lí luận lẫn nghiên cứu thực tiễn về vấn đề này cần được tiến hành tại Việt Nam. Các nghiên cứu có thể tập trung vào: 1) Phát triển các thang đo dùng đánh giá mức độ tham gia học tập của sinh viên Việt Nam; 2) Xác nhận các thành tố tác động trực tiếp đến sự tham gia học tập của sinh viên Việt Nam; 3) Đề xuất các chiến lược, biện pháp điều chỉnh và thúc đẩy sự tham gia học tập của sinh viên Việt Nam trong các bối cảnh học tập khác nhau.

Việc thực hiện các nghiên cứu theo ba hướng nói trên là quan trọng trong bối cảnh giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay bởi các nghiên cứu sẽ không chỉ giúp hiểu rõ hơn về sự tham gia học tập của sinh viên Việt

Nam mà còn cung cấp cơ sở cho việc phát triển chính sách và các chiến lược giáo dục hiệu quả nhằm tối ưu hóa quá trình học tập của sinh viên Việt Nam, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục đại học.

### 3. Kết luận

Sự tham gia học tập của sinh viên đã trở thành tâm điểm trong các nỗ lực tăng cường chất lượng dạy học trong bối cảnh của giáo dục đại học và là một chủ đề nghiên cứu quan trọng của lĩnh vực giáo dục. Tổng quan nghiên cứu cho thấy những nghiên cứu về sự tham gia học tập chủ yếu được thực hiện theo 3 hướng chính: 1) Nghiên cứu các vấn đề lí luận liên quan đến cấu trúc của sự tham gia học tập; 2) Nghiên cứu các công cụ đo lường sự tham gia học tập; 3) Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia học tập. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, các khía cạnh lí luận và thực tiễn liên quan đến sự tham gia học tập của sinh viên đã thu hút sự quan tâm của cộng đồng nghiên cứu toàn cầu và đã được thảo luận tương đối đầy đủ ở nhiều góc độ khác nhau. Tuy nhiên, ở Việt Nam, các nghiên cứu trong lĩnh vực này vẫn đang ở giai đoạn phát triển sơ khai. Điều này đặt ra yêu cầu về việc tăng cường các nghiên cứu cả về lí luận lẫn thực tiễn nhằm khuyến khích sự tham gia học tập của sinh viên Việt Nam trong các bối cảnh học tập khác nhau, qua đó cải thiện chất lượng dạy học ở bậc học này.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Carini, R. M., Kuh, G. D., & Klein, S. P. (2006), *Student engagement and student learning: Testing the linkages*, Research in Higher Education, 47(1), 1-32.
- [2] Kahu, E. R. (2013), *Framing student engagement in higher education*, Studies in Higher Education, 38(5), 758-773.
- [3] Miller, C. J., Perera, H. N., & Maghsoudlou, A. (2021), *Students' multidimensional profiles of math engagement: Predictors and outcomes from a self-system motivational perspective*, British Journal of Educational Psychology, 91(1), 261-285.
- [4] Reeve, J. (2012), *A self-determination theory perspective on student engagement*, In S. L. Christenson, A. L. Reschly, & C. Wylie (Eds.), *Handbook of Research on Student Engagement*, pp.149-172, New York: Springer.
- [5] Chan, S., Maneewan, S., & Koul, R. (2021), *Teacher educators' teaching styles: relation with learning motivation and academic engagement in pre-service teachers*, Teaching in Higher Education, 1-22.
- [6] Fisher, R., Perényi, Á., & Birdthistle, N. (2021), *The positive relationship between flipped and blended learning and student engagement, performance and satisfaction*, Active Learning in Higher Education, 22(2), 97-113.
- [7] Fredricks, J. A., & McColskey, W. (2012), *The measurement of student engagement: A comparative analysis of various methods and student self-report instruments*, In S. L. Christenson, C. Wylie, & A. L. Reschly (Eds.), *Handbook of Research on Student Engagement*, pp.763-782, Boston, MA: Springer.
- [8] Groccia, J. E. (2018), *What is student engagement?*, New Directions for Teaching and Learning, 154, 11-20.
- [9] Astin, A. W. (1984), *Student involvement: A developmental theory for higher education*, Journal of College Student Development, 25(4), 297-308.
- [10] Coates, H. (2007), *A model of online and general campus-based student engagement*, Assessment and Evaluation in Higher Education, 32(2), 121-141.
- [11] Luan, L., Hong, J. C., Cao, M., Dong, Y., & Hou, X. (2023), *Exploring the role of online EFL learners' perceived social support in their learning engagement: A structural equation model*, Interactive Learning Environments, 31(3), 1703-1714.
- [12] Gibbs, G. (2014), *Student engagement, the latest buzzword*, Times Higher Education.
- [13] Zhoc, K. C. H., Webster, B. J., King, R. B., Li, J. C. H., & Chung, T. S. H. (2019), *Higher education student engagement scale (HESES): Development and psychometric evidence*, Research in Higher Education, 60, 219-241.
- [14] Dierendonck, C., Milmeister, P., Kerger, S., & Poncelet, D. (2020), *Examining the measure of student*



- engagement in the classroom using the bifactor model: Increased validity when predicting misconduct at school*, International Journal of Behavioral Development, 44(3), 279-286.
- [15] Sjogren, A. L., Bae, C. L., Deutsch, N. L., Zumbunn, S., & Broda, M., (2022), *Afterschool engagement: a mixed methods approach to understanding profiles of youth engagement*, Applied Developmental Science, 26(4), 638-656.
- [16] Hoi, V. N., & Le Hang, H., (2021), *The structure of student engagement in online learning: A bi-factor exploratory structural equation modelling approach*, Journal of Computer Assisted Learning, 37(4), 1141-1153.
- [17] Handelsman, M. M., Briggs, W. L., Sullivan, N., & Towler, A., (2005), *A measure of college student course engagement*, Journal of Educational Research, 98(3), 184-192.
- [18] Pellas, N., (2014), *The influence of computer self-efficacy, metacognitive self-regulation and self-esteem on student engagement in online learning programs: Evidence from the virtual world of Second Life*, Computers in Human Behavior, 35, 157-170.
- [19] Fredricks, Jennifer A., Blumenfeld, P. C., & Paris, A. H., (2004), *School engagement: Potential of the concept, state of the evidence*, Review of Educational Research, 74(1), 59-109.
- [20] Griffiths, A.-J., Sharkey, J. D., & Furlong, M. J., (2009), *Student engagement and positive school adaptation*, In R. Gilman, E. S. Huebner, & M. J. Furlong (Eds.), *Handbook of positive psychology in schools*, pp.197-211, Routledge.
- [21] Deng, R., Benckendorff, P., & Gannaway, D., (2020), *Learner engagement in MOOCs: Scale development and validation*, British Journal of Educational Technology, 51(1), 245-262.
- [22] NSSE, (2016), *About NSSE*, Retrieved from <http://nsse.indiana.edu>.
- [23] Gunuc, S., & Kuzu, A., (2015), *Student engagement scale: development, reliability and validity*, Assessment and Evaluation in Higher Education, 40(4), 587-610.
- [24] Shaari, A. S., Yusoff, N. M., Ghazali, I. M., Osman, R. H., & Dzahir, N. F. M., (2014), *The relationship between lecturers' teaching style and students' academic engagement*, Procedia - Social and Behavioral Sciences, 118, 10-20.
- [25] Sun, J. C., & Rueda, R., (2012), *Situational interest, computer self-efficacy and self-regulation: Their impact on student engagement in distance education*, British Journal of Educational Technology, 43(2), 191-204.
- [26] Cents-boonstra, M., Lichtwarck-aschoff, A., Denessen, E., Haerens, L., Lichtwarck-aschoff, A., Denessen, E., & Denessen, E., (2021), *Fostering student engagement with motivating teaching: an observation study of teacher and student behaviours*, Research Papers in Education, 35(6), 754-779.
- [27] Grasha, A. F., & Yangarber-Hicks, N., (2000), *Integrating teaching styles and learning styles with instructional technology*, College Teaching, 48(1), 2-10.
- [28] Skinner, E. A., & Belmont, M. J., (1993), *Motivation in the classroom: Reciprocal effects of teacher behavior and student engagement across the school year*, Journal of Educational Psychology, 85(4), 571-581.
- [29] Laueremann, F., & Berger, J., (2021), *Linking teacher self-efficacy and responsibility with teachers' self-reported and student-reported motivating styles and student engagement*, Learning and Instruction, 76, 1-14.

## AN OVERVIEW OF STUDENT ENGAGEMENT

Tran Duong Quoc Hoa\*<sup>1</sup>, Nguyen Dac Thanh<sup>2</sup>

\* Corresponding author

<sup>1</sup> Email: [hoatdq@dnpu.edu.vn](mailto:hoatdq@dnpu.edu.vn)

Dong Nai University

No.9 Le Quy Don street, Bien Hoa city,

Dong Nai province, Vietnam

<sup>2</sup> Email: [thanhd@hcmue.edu.vn](mailto:thanhd@hcmue.edu.vn)

Ho Chi Minh City University of Education

280 An Duong Vuong street, Ward 4, District 5,

Ho Chi Minh City, Vietnam

**ABSTRACT:** *Student engagement is not only a part of the teaching and learning process but also a crucial factor determining the quality of learning and the personal development of students. Through the synthesis and analysis of previous studies, the article provides a comprehensive overview of the current research on it. The research results highlight global interest in theoretical and practical issues related to student engagement in the higher education environment. However, in Vietnam, this field is still in its early stages of development, requiring an enhancement of both theoretical and practical research to promote it in various learning contexts.*

**KEYWORDS:** Student engagement, multidimensional construct, higher education, Vietnam, quality.